TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 73/2020/HSST
Ngày: 20-11-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy.

*Các hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Duy Chấn, ông Nguyễn Tiến Tịnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa*:* Ông Đinh Tiến Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2020/TLST-HS ngày 23/10/2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:59/2020/QĐXXST-HS, ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên K, tên gọi khác: KV, sinh năm 1986, tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: V, sinh năm 1961 và bà H, sinh năm 1959; Vợ:T, sinh năm 1986 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 tiền sự về hành vi tổ chức đánh bạc. Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt.

2. Họ và tên C**,** tên gọi khác: CĐ; sinh năm 1973, tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: C, sinh năm 1944 và bà P, sinh năm 1944; Vợ là: H, sinh năm 1979 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2003; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 26/9/2013, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Ngày 03/9/2019, Toà án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông xử phạt 06 tháng tù, hình phạt bổ sung là phạt tiền 10.000.000 đồng về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngày 13/9/2020 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống. Ngày 02/11/2020, đã đóng phạt tiền 10.000.000 đồng và án phí

hình sự sơ thẩm 200.000 đồng của Bản án số 34/HSST ngày 03/09/2019 (bị cáo chưa được xóa án tích). Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh A1, sinh năm 1990, có mặt.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Anh A2, sinh năm 1994, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Anh A3, sinh năm 1996, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Ông A4, sinh năm 1962, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 10, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

5. Anh A5, sinh năm 1977, có mặt.

6. Bà A6, sinh năm 1966, có mặt.

Đồng trú tại: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- *Người làm chứng:*

1. Anh B, sinh năm 1988, vắng mặt.

2. Anh B1, sinh năm 1978, vắng mặt.

3. Anh B2, sinh năm 2000, vắng mặt.

Đồng trú tại: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Anh B3, sinh năm 1984, vắng mặt.

5. Anh B4, sinh năm 1988, vắng mặt.

6. Anh B5, sinh năm 1989, vắng mặt.

Đồng trú tại: Thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

7. Anh B6, sinh năm 1984, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

8. Anh B7, sinh năm 1980, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 11, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

9. Anh B8, sinh năm 1994, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

10. Anh B9, sinh năm 1976, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 12, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

11. Anh B10, sinh năm 1993, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

12. Anh B11, sinh năm 1983, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

13. Anh B12, sinh năm 1984, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

14. Anh B13, sinh năm 1996, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

15. Ông B14, sinh năm 1963, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

16. Ông B15, sinh năm 1959, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 26 tháng 01 năm 2020, Tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Đắk Nông phát hiện bắt quả tang vụ đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền tại khu vực chợ 312 thuộc thôn 6, xã Đắk Rla, huyện Đắk Mil. Quá trình bắt quả tang tiến hành bắt giữ được các đối tượng có liên quan gồm: A1, K, C, A2, V, B, B3, B6, B4, B7, B8, A6, B9, B10, Vy Thanh Tùng, B11, B5, B12, A5, B1, B13, B14, B15, A4. Tang vật thu giữ số tiền 6.530.000đ (sáu triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng), trong đó: xác định số tiền trên chiếu của sòng xóc đĩa chẵn, lẻ với số tiền 2.700.000 đồng; số tiền 3.830.000 đồng là tiền rơi vãi xung quanh hiện trường và trên chiếu bạc khác. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Đắk Nông thông báo cho Công an huyện Đắk Mil để phối hợp xử lý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, các đối tượng trên được đưa về trụ sở Công an huyện Đắk Mil để tiến hành làm việc.

Quá trình điều tra xác định: Vào lúc 11 giờ ngày 26/01/2020, tại trung tâm thương mại 312 thuộc thôn 6, xã Đ, huyện Đ, A1 là người đứng ra chuẩn bị công cụ, tổ chức đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức xóc đĩa để thu tiền sâu. Hình thức đánh bạc như sau: Cắt 04 con vị từ bộ bài Tulơkhơ bỏ vào đĩa sứ rồi lấy chén sứ úp lại, người cầm cái sẽ xóc đĩa. Khi mở ra nếu trong đĩa hiện lên hai mặt trắng, hai mặt đen hoặc bốn mặt trắng, bốn mặt đen thì gọi là chẵn. Nếu hiện lên một mặt trắng, ba mặt đen hoặc ngược lại thì gọi là lẻ. Người chơi đánh bạc đặt một trong hai cửa chẵn hoặc lẻ, mỗi ván những người đánh bạc đặt từ 20.000 đồng trở lên, không giới hạn mức cao nhất. Sau khi người chơi đặt tiền xong, người cầm cái mở chén. Nếu cửa chẵn ăn thì người cầm cái lấy tiền từ cửa lẻ trả cho người đặt ở cửa chẵn đúng bằng với số tiền cửa chẵn đặt và ngược lại, tỷ lệ ăn thua sát phạt nhau là một một. Sau khi chung cho bên thắng cược trong mỗi ván, nếu số tiền dư còn lại

thì nhà cái sẽ lấy, thiếu thì nhà cái bỏ tiền ra để trả tiếp. A1 phân công K trực tiếp xóc đĩa, V là đối tượng vừa bán nước uống tại sòng đánh xóc đĩa, vừa thu tiền xâu và giúp A1 chung tiền thắng thua cho các con bạc. Đối tượng A2, A3 thấy sòng đánh xóc đĩa nên đã lấy tấm da có vẽ các ô tròn để làm senko (lấy kết quả của sòng xóc đĩa để cá cược đánh bạc với các con bạc muốn đánh bạc theo hình thức senko). Lúc này trước khu vực Trung tâm thương mại 312 còn có 03 sòng đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức xóc bầu cua và hai sòng đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức tài xỉu. Quá trình các con bạc đang tham gia đánh bạc thì đến khoảng 13 giờ 30 phút lực lượng Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Đắk Nông bắt quả tang các sòng đánh bạc tại khu vực trung tâm thương mại 312. Khi bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc của sòng xóc đĩa số tiền 2.700.000 đồng. Ngoài ra trong quá trình bắt quả tang còn thu giữ thêm số tiền 3.830.000 đồng là số tiền rơi vãi xung quanh hiện trường khi các con bạc bỏ chạy và trên các chiếu bạc xóc bầu cua, tài xỉu. Tuy nhiên các sòng đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức xóc bầu cua, tài xỉu thì trong quá trình bắt quả tang không thu giữ được các đồ vật dùng để đánh bạc nên Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Đắk Nông không có cơ sở để lập biên bản bắt quả tang đối với các sòng này.

Quá trình điều tra còn xác định C trong quá trình xem các đối tượng khác đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thì có cho đối tượng A2 mượn số tiền 500.000 đồng để thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức senko, C đồng ý và đã đưa mượn số tiền 500.000 đồng. Trong quá trình đánh bạc bằng hình thức senko tại sòng xóc đĩa, A2 đã thua số tiền 400.000 đồng, còn lại số tiền 100.000 đồng để trên chiếu bạc đã bị thu giữ khi lực lượng Công an bắt quả tang.

Tại Bản cáo trạng số 62/CTr – VKS ngày 26-10-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil truy tố các bị cáo K, C về tội "*Đánh bạc"* theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo K, C về tội "*Đánh bạc"* theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo K, bị cáo C mỗi bị cáo từ 20.000.000 đến 25.000.000 đồng.

- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) tấm bạt màu xanh trên bạt thu giữ 03 (ba) miếng da hình vuông được kẻ chia làm 04 phần có vẽ các chấm tròn; 01 (một) chén nhựa; 01 (một) đĩa; 04 (bốn) con vị được cắt ra từ các lá bài Tây; 01 (một) cục xúc xắc; 01 (một) quyển vở; 20 (hai mươi) ghế nhựa. 01 (một) ba lô màu xanh bên trong có 06 (sáu) chén nhựa; 02 (hai) đĩa; 02 (hai) bộ bài Tây; 01 (một) bịch dây thun; 01 (một) bút lông màu đỏ; 01 (một) búa đinh; 01 (một) bộ đục vị.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 6.530.000đ (sáu triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng) thu giữ trong quá trình bắt người phạm tội quả tang.

Số tiền 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng), trong quá trình điều tra không chứng minh được số tiền này liên quan đến việc đánh bạc nên cần trả lại cho anh V là phù hợp.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị định số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc bị cáo K, bị cáo C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trong Bản cáo đã nêu, hành vi của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật. Các bị cáo không bào chữa, không tranh luận mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo K, C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc đã nêu trong Bản cáo trạng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 26 tháng 01 năm 2020, tổ công tác thuộc Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Đắk Nông đã phát hiện bắt quả tang K (là đối tượng có 01 tiền sự về hành vi Tổ chức đánh bạc) đang có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa; C (là đối tượng có 01 tiền án về tội Đánh bạc) có hành vi cho A2 mượn số tiền 500.000 đồng để đánh bạc ăn tiền bằng hình thức xóc đĩa. Tang vật thu giữ trên chiếu bạc là 2.700.000 đồng *(Hai triệu bảy trăm nghìn đồng)*. Vì vậy, có đủ căn cứ pháp lý kết luận bị cáo K và bị cáo C phạm tội " Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến nền trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, là tệ nạn xã hội, là nguyên nhân gây ra các hậu quả nghiêm trọng khác, gây tác hại xấu cho xã hội về nhiều mặt. Vì vậy, cần phải có một hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời làm gương cho những ai đã và đang có ý định phạm tội, nhằm nhanh chóng loại bỏ loại tội phạm này ra khỏi xã hội.

[7] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tính tiết tặng nặng.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi của mình. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[9] Về nhân thân các bị cáo:

- Bị cáo K: Ngày 06/11/2019, bị Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Đắk Nông ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tổ chức đánh bạc trái phép với số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 06/11/2019, đã nộp phạt xong.

- Bị cáo C: Ngày 26/9/2013, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Ngày 03/9/2019, Toà án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông xử phạt 06 tháng tù, hình phạt bổ sung là phạt tiền 10.000.000 đồng về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[10] Bị cáo K là người đánh bạc trực tiếp, sát phạt trên chiếu bạc, tuy nhiên bị cáo nghĩ đơn giản là ngày đầu năm (mùng 02 tết âm lịch) chơi cho vui và lấy hên nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Đối với bị cáo C không tham gia trực tiếp vào đánh bạc nhưng bị cáo cho con bạc mượn tiền (con bạc sử dụng vào việc đánh bạc trước mặt bị cáo), bị cáo nghĩ đơn giản việc mượn tiền là việc giao dịch bình thường giữa cá nhân với cá nhân với nhau, bị cáo nghĩ không vi phạm pháp luật nên đã cho con bạc mượn tiền và chính con bạc sử dụng số tiền này vào đánh bạc. Xét tính chất và mức độ hành vi của các bị cáo, số tiền các bị cáo sử dụng không lớn, các bị cáo có nơi ở và công việc ổn định, do đó không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tiền cũng

đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

[11] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[12] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự:

- 01 (một) tấm bạt màu xanh trên bạt thu giữ 03 (ba) miếng da hình vuông được kẻ chia làm 04 phần có vẽ các chấm tròn; 01 (một) chén nhựa; 01 (một) đĩa; 04 (bốn) con vị được cắt ra từ các lá bài Tây; 01 (một) cục xúc xắc; 01 (một) quyển vở; 20 (hai mươi) ghế nhựa. 01 (một) ba lô màu xanh bên trong có 06 (sáu) chén nhựa; 02 (hai) đĩa; 02 (hai) bộ bài Tây; 01 (một) bịch dây thun; 01 (một) bút lông màu đỏ; 01 (một) búa đinh; 01 (một) bộ đục vị, đây là những công cụ, phương tiền thực hiện hành vi phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

- Số tiền 6.530.000đ (sáu triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng) thu giữ trong quá trình bắt người phạm tội quả tang, đây là số tiền được sử dụng để đánh bạc. Nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng) thu giữ của anh V. Nhưng quá trình điều tra không chứng minh được số tiền này liên quan đến việc đánh bạc, nên cần trả lại cho cho anh V là phù hợp.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Những vấn đề khác có liên quan đến vụ án:

Đối với A1 đứng ra chuẩn bị công cụ, tổ chức đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức xóc đĩa để thu tiền xâu; V vừa bán nước uống tại sòng đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, vừa thu tiền xâu và đưa tiền cho con bạc giúp cho Thế. Trong quá trình điều tra và xác minh A1 chưa có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc nên Công an huyện Đắk Mil đã xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Đối với A2, A3 có hành vi dùng kết quả của việc xóc đĩa để đánh bạc bằng hình thức senko với các con bạc khác. Trong quá trình điều tra và xác minh A2, Quyết chưa có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc nên Công an huyện Đắk Mil ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Đối với A4, A5, A6, quá trình điều tra xác định có tham gia chơi đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức xóc bầu cua, tài xỉu vào ngày 26/01/2020 tại thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên quá trình bắt quả tang vụ đánh bạc không thu giữ được các đồ vật, tài liệu liên quan đến các hình thức đánh bạc trên, mặt khác chỉ có lời khai của các đối tượng. Do đó chưa đủ cơ sở để xác định hành vi đánh bạc của các đối tượng trên, nên không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với B, B3, B6, B4, B7, B8, B9, B10, T, B11, B5, B12, B1, B13, B14, B15. Quá trình điều tra không đủ căn cứ để xác định các đối tượng trên có hành vi đánh bạc nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo K (KV), C (CĐ) phạm tội "Đánh bạc".

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo K 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo C 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

2.1. Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) tấm bạt màu xanh trên bạt thu giữ 03 (ba) miếng da hình vuông được kẻ chia làm 04 phần có vẽ các chấm tròn; 01 (một) chén nhựa; 01 (một) đĩa; 04 (bốn) con vị được cắt ra từ các lá bài Tây; 01 (một) cục xúc xắc; 01 (một) quyển vở; 20 (hai mươi) ghế nhựa; 01 (một) ba lô màu xanh bên trong có 06 (sáu) chén nhựa; 02 (hai) đĩa; 02 (hai) bộ bài Tây; 01 (một) bịch dây thun; 01 (một) bút lông màu đỏ; 01 (một) búa đinh; 01 (một) bộ đục vị.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil với cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk mil vào ngày 27/10/2020)

2.2. Tịch thu và sung quỹ Nhà nước số tiền 6.530.000đ (Sáu triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng) theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số CT0000088, mã hiệu DNO630120, ngày 20/02/2020 của Kho bạc nhà nước Đắk Mil, đơn vị thụ hưởng Chi cục thi hành án dân sư huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

2.3. Trả số tiền 700.000 đồng (Bảy trăm ngàn đồng) cho anh V. Theo giấy Ủy nhiệm chi số 12, ngày 27/10/2020, đơn vị trả tiền: Công an huyện Đắk Mil và đơn vị nhận tiền: Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông (tại khoản 3949.0.1048325.00000) tại Kho bạc nhà nước Đắk Mil

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Buộc các bị cáo K, C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo liên quan đến quyền và lợi ích của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ĐắkNông;
-Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
-VKS ND huyện ĐắkMil;
-Đội điều tra Công an huyện Đắk Mil;
-Đội THAHS Công an huyện Đắk Mil;
-Bộ phận Nghiệp vụ CA huyện Đắk Mil;
-Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
-Bị cáo;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lại Hồng Duy